TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/05/2023
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**
2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Quy** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 05 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị M**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Ông **Lâm Thanh T**, sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán trên tinh thần tự nguyện vào năm 2005, tuy nhiên đến nay chị M và anh T không có đăng ký kết hôn với nhau. Chị M và anh T chung sống hạnh phúc từ khi cưới nhau cho đến cách nay khoảng 03 – 04 năm (khoảng năm 2019 – 2020) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T thường xuyên nhậu nhẹt, sau khi nhậu trở về nhà thì hay chửi bới, có hành vi bạo lực gia đình đối với chị M. Nhiều lần anh T dùng dao đe dọa chị M làm cho chị và các con cảm thấy hoang mang lo sợ. Cách nay khoảng hơn 04 tháng (khoảng tháng 01 năm 2023, chị M không nhớ ngày cụ thể) anh T dùng dao đe dọa đòi giết hết 03 mẹ con chị M, lúc

đó con gái lớn của vợ chồng là cháu Lâm Thị Thanh N ôm anh T lại còn chị M thì dùng tay giật cây dao anh T cầm trên tay nên chị M bị đứt gân ngón tay phải đến bệnh viện khâu vết thương. Chị M và anh T đã ly thân với nhau khoảng 04 tháng nay *(ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2023)*. Từ khi ly thân đến nay chị M và anh T không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị và anh T không có liên lạc với nhau. Nay chị M không còn tình cảm với anh T nữa, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung là cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011. Hiện tại hai người con chung đang sống cùng với chị M. Khi ly hôn nguyện vọng của các con muốn sống cùng với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn sống cùng với chị M thì chị nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị M không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lâm Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị M anh chị có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới nhau cho đến cách nay khoảng 03 – 04 năm (khoảng năm 2019 – 2020) thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường hay xảy ra cãi nhau. Anh T thừa nhận, cách nay khoảng hơn 02 tháng (anh không nhớ rõ ngày tháng), sau khi nhậu xong thì giữa anh và chị M có xảy ra cự cãi, trong lúc cự cãi thì anh có cầm dao đe dọa chị M như chị M trình bày, trong lúc giằng co thì vô tình làm cho chị M bị đứt tay phải đến bệnh viện khâu lại vết thương. Sau khi sự việc trên xảy ra thì vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay *(ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay).* Nay chị M xin được ly hôn với anh T thì anh cũng đồng ý vì anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị M cũng không còn.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị M về con chung. Khi ly hôn, về con chung anh T có ý kiến, tùy theo nguyện vọng của các con, các con muốn ở với anh thì anh nuôi, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con muốn ở với chị M thì anh cũng đồng ý để cho vợ nuôi các con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh T không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị M và anh Lâm Thanh T.

Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011 muốn được sống chung với mẹ là chị Trương Thị M khi cha, mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011 cho chị Trương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh T có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị M khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lâm Thanh T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị M và bị đơn anh Lâm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị M với anh Lâm Thanh T, thấy rằng: Chị M và anh T thống nhất xác định anh, chị có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2005 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*" và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ..."*

Từ những quy định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chị M yêu cầu ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị M nhưng do chị M và anh T không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị M và anh Lâm Thanh T.

[4] Về con chung: Chị M và anh T thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung là cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011. Hiện tại hai người con chung đang sống cùng với chị M. Khi ly hôn cả chị M và anh T đều có ý kiến nguyện vọng của các con muốn sống cùng với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn sống cùng với chị M thì chị nuôi, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và ngược lại nếu các con muốn sống cùng với anh T thì anh T nuôi, anh T cũng không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu Lâm Thị Thanh N và cháu Lâm Thành Đ đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ là chị Trương Thị M khi cha, mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần nên ghi nhận nguyện vọng của cháu N và cháu Đ tiếp tục giao hai cháu cho chị Trương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng chị M, anh T ly hôn là phù hợp.

[5] Về tài sản: Chị M và anh T thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Trương Thị M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Anh Lâm Thanh T không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị M và anh Lâm Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Ghi nhận nguyện vọng của cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011 muốn được sống chung với mẹ là chị Trương Thị M khi cha, mẹ ly hôn.

Tiếp tục giao cháu Lâm Thị Thanh N, sinh năm 06/7/2006 và cháu Lâm Thành Đ, sinh ngày 22/12/2011 cho chị Trương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Anh Lâm Thanh T có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh Lâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Thị M không yêu cầu.

3. Về tài sản: Chị Trương Thị M và anh Lâm Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trương Thị M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010532 ngày 28/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh